

BÁO CÁO

Tình hình phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (ngoài khu, cụm công nghiệp) trên địa bàn thành phố giai đoạn 2010 - 2017

Căn cứ Công văn số 666/SCT-QLCN ngày 27/7/2018 của Sở Công Thương về việc tham mưu báo cáo tình hình phát triển công nghiệp ngoài khu, cụm công nghiệp từ 2010 đến 2017, Chủ tịch UBND thành phố báo cáo kết quả thực hiện trên địa bàn thành phố như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN:

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển công nghiệp:

UBND thành phố đã chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển công nghiệp - TTCN, đầu tư, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, chính sách thuế, an toàn thực phẩm ... đến các Doanh nghiệp, HTX và hộ sản xuất công nghiệp - TTCN (*gọi chung là cơ sở sản xuất công nghiệp*) dưới nhiều hình thức như: Hội nghị, phát hành tờ rơi, xây dựng và đưa tin, bài, phóng sự tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bắc Giang, Đài Truyền thanh thành phố và phường, xã. Chỉ đạo phòng, ngành, đơn vị thành phố và UBND phường, xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch hỗ trợ, phát triển công nghiệp - TTCN như: Chỉ thị của Ban Thường vụ Thành ủy, Kế hoạch của UBND thành phố về cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh rượu giai đoạn 2017 - 2020; Kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất công nghiệp - TTCN giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch hỗ trợ khuyến công,... ; đồng thời, phối hợp với ngành tỉnh liên quan tổ chức 08 lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn thi hành pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ công chức thành phố, phường, xã, chủ cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn, như: Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật An toàn thực phẩm, các chính sách mới về thuế, chính sách hỗ trợ khuyến công, phát triển làng nghề... qua đó, góp phần nâng cao nhận thức và giúp chủ cơ sở sản xuất công nghiệp tiếp cận được các chủ trương, chính sách để triển khai thực hiện.

2. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật theo thẩm quyền về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường và các chính sách pháp luật khác:

Hằng năm, UBND thành phố đều thành lập các Đoàn kiểm tra liên ngành hoặc cử cán bộ phối hợp với Đoàn kiểm tra của ngành tỉnh để kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, chính sách thuế, an toàn vệ sinh lao động - PCCN, BHXH... đối với các doanh nghiệp, HTX và cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thành phố - trong đó có cơ sở trong lĩnh vực công nghiệp - TTCN. Từ năm 2010 đến năm 2017, đã kiểm tra 24 cơ sở sản xuất công nghiệp. Qua kiểm tra, đã kịp thời chấn chỉnh và yêu cầu các đơn vị thực hiện nghiêm túc quy định của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực hoạt động.

II. VỀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TTCN GIAI ĐOẠN 2010 - 2017:

1. Số lượng cơ sở sản xuất công nghiệp - TTCN:

Với vị thế là đô thị trung tâm của tỉnh, những năm qua, thành phố xác định phát triển thương mại - dịch vụ là trọng tâm, đồng thời, quan tâm quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp để di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp trong khu dân cư, gây ô nhiễm môi trường vào đầu tư trong cụm công nghiệp. Do đó, số lượng cơ sở sản xuất công nghiệp tăng chậm, số lượng cơ sở sản xuất công nghiệp giai đoạn 2010 - 2017 tăng bình quân 13 cơ sở/năm với các ngành nghề sản xuất chủ yếu như: May mặc, phân đạm, linh kiện điện tử, giấy, gia công cơ khí, mộc dân dụng, sản xuất bún, mỳ gạo, bánh đa, rượu thủ công,.... Cụ thể:

- Năm 2010, có 1.805 cơ sở sản xuất công nghiệp, trong đó: Có 89 doanh nghiệp, 05 HTX và 1.711 hộ sản xuất;

- Năm 2015, có 1.967 cơ sở (*tăng 9%*) so năm 2010, trong đó: Doanh nghiệp tăng 9%, HTX tăng 80% và hộ sản xuất tăng 8,8%;

- Năm 2017, có 1.896 cơ sở (*giảm 3,6%*) so với năm 2015, trong đó: Có 83 doanh nghiệp (*giảm 14,4%*), 09 HTX (*bằng 100%*) và 1.804 hộ sản xuất (*giảm 3,1%*).

Nguyên nhân, do một số cơ sở sản xuất chuyển đổi sang lĩnh vực kinh doanh thương mại, một số cơ sở hoạt động không hiệu quả phải giải thể, dừng hoạt động.

2. Diện tích đất sản xuất, vốn đăng ký đầu tư của cơ sở công nghiệp:

Đến năm 2017, thành phố có 36 cơ sở sản xuất công nghiệp được thuê đất đầu tư kinh doanh với tổng diện tích 128,3ha; tổng vốn đăng ký thực hiện 12.077,49 tỷ đồng, trong đó:

- Đến năm 2010, có 23 dự án được thuê đất, tổng diện tích 94,6 ha, vốn đăng ký thực hiện 11.776 tỷ đồng;

- Đến năm 2015, có thêm 08 dự án, tổng diện tích thuê đất 29,3 ha, vốn đăng ký thực hiện 266,54 tỷ đồng;

- Đến năm 2017, có thêm 05 dự án được thuê đất, diện tích 4,4ha, vốn đăng ký thực hiện 34,95 tỷ đồng.

Một số dự án lớn của các doanh nghiệp như: Công ty TNHH MTV Phân đạm hóa chất Hà Bắc, Tổng Công ty cổ phần May Bắc Giang, Công ty TNHH MTV

Quốc tế Vietpan Pacific, Công ty TNHH MTV Kỹ thuật cơ điện Hà Nội, Công ty cổ phần Hoá chất Hưng Phát Hà Bắc, Công ty cổ phần Nhựa Bắc Giang... Ngoài ra, các cơ sở sản xuất công nghiệp - TTCN còn lại (*hộ gia đình*) chưa được thuê đất, đang sử dụng đất ở, đất vườn của gia đình để làm mặt bằng sản xuất.

3. Lao động làm việc tại các cơ sở công nghiệp:

Đến năm 2017, các cơ sở công nghiệp đã giải quyết việc làm cho 11.183 lao động, tăng 1.209 lao động so với năm 2010 và tăng 206 lao động so với năm 2015, trong đó:

- Các cơ sở có dự án được thuê đất giải quyết việc làm cho 6.094 lao động;
- Các cơ sở chưa được thuê đất (*hộ gia đình*) giải quyết việc làm cho 5.089 lao động; thu nhập bình quân của người lao động đạt từ 4,5-8,0 triệu đồng/người/tháng.

4. Kết quả hoạt động sản xuất của cơ sở công nghiệp:

- Tốc độ tăng trưởng Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá cố định giai đoạn 2010 - 2017 bình quân đạt 28,5%/năm. Năm 2017, đạt 2.373,6 tỷ đồng, tăng 18,3% so với năm 2015, trong đó: Giá trị sản xuất của khối doanh nghiệp đạt 2.017,5 tỷ đồng, tăng 18,3%; giá trị sản xuất của khối HTX đạt 39,164 tỷ đồng tăng 22% và giá trị sản xuất của khối hộ gia đình đạt 316,87 tỷ đồng tăng 17,9%. Xét theo cơ cấu, giá trị sản xuất của các doanh nghiệp chiếm 85%, HTX chiếm 1,9% và hộ gia đình chiếm 13,1%.

- Về doanh thu sản xuất: Tốc độ tăng trưởng doanh thu sản xuất của cơ sở công nghiệp giai đoạn 2010 - 2017 đạt 19,2%/năm; năm 2017, doanh thu sản xuất đạt 4.041,1 tỷ đồng tăng 18,5% so với năm 2015; trong đó: Doanh thu của khối doanh nghiệp đạt 3.434,8 tỷ đồng - tăng 18,5%, doanh thu của khối HXT đạt 66,67 tỷ đồng - tăng 22,2%, doanh thu của khối hộ gia đình đạt 539,4 tỷ đồng - tăng 11,1%.

- Nộp ngân sách nhà nước: Trong những năm qua, các cơ sở sản xuất (*ngoài khu, cụm CN*) đã có những đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế thành phố nói chung và nộp ngân sách nhà nước nói riêng. Năm 2017, các cơ sở sản xuất công nghiệp nộp ngân sách nhà nước khoảng 168,5 tỷ đồng tăng 18% so năm 2015. Một số doanh nghiệp nộp ngân sách nhà nước lớn như: Tổng Công ty cổ phần May Bắc Giang, Công ty cổ phần Nhựa Bắc Giang, Công ty TNHH MTV Quốc tế Vietpan Pacific...

(Có biểu phụ lục kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Thuận lợi:

- Thành phố Bắc Giang có vị trí địa lý và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đô thị được quan tâm đầu tư xây dựng đồng bộ, nên thuận lợi cho phát triển công nghiệp;
- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền từ thành phố đến cơ sở về phát triển công nghiệp luôn được quan tâm chú trọng; các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về hỗ trợ, phát triển công nghiệp được thành phố triển

khai sâu rộng, kịp thời đến cơ sở công nghiệp; công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh luôn được chỉ đạo quyết liệt;

- Các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố được quan tâm đào tạo các nâng cao trình độ, năng lực quản trị doanh nghiệp, Hội nhập quốc tế... thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn; để tiếp cận các chương trình hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ khuyến công, vay vốn tín dụng,...

- Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường luôn được chú trọng, góp phần bình ổn thị trường, chống hàng nhái, hàng giả, hàng kém chất lượng, gian lận thương mại, đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh, công bằng giữa các cơ sở sản xuất.

2. Khó khăn, vướng mắc:

- Số lượng cơ sở sản xuất công nghiệp - TTCN (*chưa được thuê đất*), đang sản xuất trong khu dân cư lớn; hình thức, quy mô tổ chức sản xuất chủ yếu là hộ gia đình, sự gắn kết giữa người sản xuất và người kinh doanh thiếu chặt chẽ, điều kiện kinh tế khó khăn, vốn đầu tư thấp, công nghệ sản xuất lạc hậu,...

- Chất lượng của sản phẩm còn thấp do công nghệ sản xuất ở mức độ trung bình; chưa áp dụng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng sản phẩm, nặng về sản xuất theo số lượng; tỷ trọng máy móc tham gia vào quá trình sản xuất thấp; việc tiếp cận thiết kế mẫu mã, kiểu dáng sản phẩm theo thị hiếu tiêu dùng còn chậm.

- Vốn của đại đa số các cơ sở sản xuất công nghiệp (hộ gia đình) là nội tại, chưa mạnh dạn vay tín dụng để đầu tư công nghệ, thuê đất mở rộng quy mô sản xuất.

- Lao động làm việc tại các cơ sở sản xuất chưa qua đào tạo chiếm tỷ trọng lớn, chủ yếu từ truyền nghề gia đình; mức độ hiểu biết và chấp hành quy định về an toàn lao động, BHTX,... của chủ cơ sở và người lao động chưa cao.

- Một số doanh nghiệp, hộ gia đình chưa thực hiện nghiêm túc chính sách thuế đối với nhà nước, còn nợ đọng thuế.

III. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI:

1. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ, phát triển công nghiệp. Hằng năm, UBND thành phố ban hành kế hoạch hỗ trợ phát triển CN - TTCN, trong đó quan tâm hỗ trợ các DN, HTX và cơ sở sản xuất đầu tư máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu tập thể; quảng bá, giới thiệu sản phẩm...

2. Đẩy nhanh tiến độ thi công dự án hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Bãi Ôi để di dời các hộ sản xuất mộc của làng nghề Mộc Bãi Ôi vào đầu tư. Hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt mở rộng cụm công nghiệp Dĩnh Trì và chấp thuận doanh nghiệp làm chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp Dĩnh Trì, thực hiện lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 để mời gọi thu hút đầu tư. Tiếp tục rà soát, đề xuất thành lập và lập quy hoạch chi tiết một số cụm công nghiệp và thu hút đầu tư hạ

tầng để đưa các hộ kinh doanh TTCN trong khu dân cư vào sản xuất tập trung, góp phần giảm ô nhiễm môi trường trong khu dân cư.

3. Tổ chức tập huấn, đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị, hội nhập quốc tế, văn hóa kinh doanh và chế độ, chính sách liên quan (*lao động, thuế, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm, đất đai, đầu tư...*) cho đội ngũ quản lý, quản trị DN, HTX và cơ sở sản xuất,...

4. Quan tâm công tác xúc tiến đầu tư, hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp tham gia các hội chợ triển lãm, kết nối cung cầu, tìm kiếm đối tác liên doanh liên kết, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp.

5. Phối hợp với ngành tinh tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp thuê đất đầu tư trong và ngoài cụm công nghiệp; công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, sở hữu trí tuệ của các hộ sản xuất trong các làng nghề; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

1. Đề nghị Sở Công Thương đề xuất UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Dĩnh Trì (*sau khi được UBND tỉnh có quyết định mở rộng và chấp thuận Nhà đầu tư hạ tầng*) tạo điều kiện thuận lợi thu hút các cơ sở sản xuất công nghiệp (*ngoài khu, cụm CN*) vào đầu tư.

2. Hằng năm, tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, khởi sự doanh nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế cho đội ngũ cán bộ công chức cấp huyện và chủ cơ sở sản xuất công nghiệp; tăng cường hỗ trợ kinh phí khuyến công đối với các dự án đầu tư máy móc thiết bị sản xuất của các cơ sở công nghiệp - TTCN trên địa bàn thành phố. /.

Nơi nhận: *[Signature]*

- Chủ tịch, các PCT UBND TP;

- Lưu: VT;

Bản điện tử:

- Sở Công Thương (để B/c);

- Phòng Kinh tế thành phố;

- LĐ, CVKT VPHĐND-UBND TP.

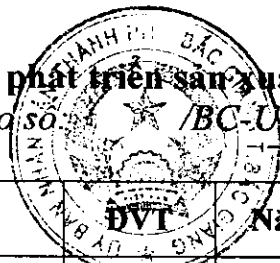
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiên Dũng

TỔNG HỢP

Tình hình phát triển sản xuất công nghiệp - TTCN (ngoài khu, cụm CN)
(Kèm theo Báo cáo số **DVT/BC-UBND** ngày **18/2018** của Chủ tịch UBND thành phố)



Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2017	So sánh (%)		Ghi chú
						2015/2010	2017/2015	
1	Số cơ sở sản xuất	Cơ sở	1.805	1.967	1.896	109,0	96,4	
	DN	DN	89	97	83	109,0	85,6	
	HTX	HTX	5	9	9	180,0	100,0	
	Hộ gia đình	Hộ	1.711	1.861	1.804	108,8	96,9	
2	Giá trị sản xuất công nghiệp	Trđ						
	Theo giá cố định	Trđ	410.135,6	2.005.837,9	2.373.577,5	489,1	118,3	
	DN	Trđ	348.615,3	1.704.962,2	2.017.541	489,1	118,3	
	HTX	Trđ	6.152,0	32.093,4	39.164	521,7	122,0	
	Hộ gia đình	Trđ	55.368,3	268.782,3	316.872,6	485,4	117,9	
	Theo giá hiện hành	Trđ	943.312	2.727.940	3.232.813	289,2	118,5	
	DN	Trđ	801.815	2.318.749	2.747.891	289,2	118,5	
	HTX	Trđ	14.150	43.647	53.341	308,5	122,2	
	Hộ gia đình	Trđ	127.347	365.544	431.580	287,0	118,1	
3	Diện tích thuê đất của cơ sở	Ha	94,6	123,9	128,3	130,9	103,5	
	Số dự án được thuê đất	Dự án	23	31	36	134,7	116,1	
4	Tổng vốn đăng ký	Tỷ đồng	11.776	12.042	16.810	102,3	139,6	
5	Tổng vốn thực hiện	Tỷ đồng	10.009	10.596	14.288	105,8	134,8	
6	Tổng số lao động	Người	9.753	15.322	16.561	157,1	108,1	
	DN	Người	7.790	13.303	14.600	170,8	109,7	
	HTX	Người	83	83	76	99,2	92,7	
	Hộ gia đình	Người	1.880	1.936	1.885	103,0	97,4	
7	Doanh thu sản xuất	Trđ	1.179.140	3.409.924	4.041.016	289,2	118,5	
	DN	Trđ	1.002.269	2.898.436	3.434.863	289,2	118,5	
	HTX	Trđ	17.687	54.559	66.677	308,5	122,2	
	Hộ gia đình	Trđ	159.184	456.930	539.476	287,0	118,1	
8	Nộp ngân sách	Trđ	112.338	142.398	168.498	127	118	
9	Số đơn vị nợ tiền thuế	Cơ sở	9	12	16	133	133	
10	Số tiền nợ thuế	Trđ	71,53	76,8	81,2	107	106	